

**CÔNG TY TNHH SCANDINAVIA AUTO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SCANDINAVIA AUTO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SCANDINAVIA AUTO COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SCANDINAVIA AUTO

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110678126

**3. Ngày thành lập:** 09/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 138 đường Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948568213

Fax:

Email: [volvocarthanglong@gmail.com](mailto:volvocarthanglong@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                  | 4511        |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                     | 4512        |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                      | 4513(Chính) |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                | 4520        |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) | 4530        |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Đại lý mô tô, xe máy                                                                                                             | 4541        |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy<br>(Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                           | 4542        |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                     | 4543        |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                             | 4651        |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                              | 4652        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                 | 4659        |

|     |                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động Ủy thác xuất nhập khẩu, Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                     | 8299 |
| 13. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                        | 6311 |
| 14. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                            | 6312 |
| 15. | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Đại lý bảo hiểm                                                                                                                                                    | 6622 |
| 16. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Khoản 1, Điều 3, Luật kinh doanh bất động sản 2014)                                           | 6810 |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                     | 7320 |
| 18. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                    | 7710 |
| 19. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                            | 4723 |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                       | 4931 |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                          | 4932 |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                        | 4933 |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                               | 5210 |
| 24. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Trừ bốc xếp hàng hoá cảng hàng không)                                                                                                                                                                | 5224 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                   | 5225 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ hao tiêu xe ô tô, kéo xe bị hỏng(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không) | 5229 |
| 27. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)<br>(Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                               | 3315 |
| 28. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>(Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                 | 3320 |
| 29. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                         | 4101 |
| 30. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                   | 4102 |
| 31. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                              | 4212 |
| 32. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                | 4299 |
| 33. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                 | 4742 |
| 34. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                | 4762 |

|     |                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------|

6. **Vốn điều lệ:** 65.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                      | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HÙNG TUẤN | Việt Nam  | 3005 Golden Place, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | 45.500.000.000        | 70,000    | 042077009999                                                                                            |         |
| 2   | PHAN TUẤN DŨNG   | Việt Nam  | Số 10 đường Nguyễn Đức Cảnh, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | 19.500.000.000        | 30,000    | 049069000213                                                                                            |         |

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

\* **Họ và tên:** NGUYỄN HÙNG TUẤN **Giới tính:** Nam  
**Chức danh:** Tổng giám đốc  
**Sinh ngày:** 14/11/1977 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:** Thẻ căn cước công dân  
**Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:** 042077009999  
**Ngày cấp:** 09/03/2021 **Nơi cấp:** Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội  
**Địa chỉ thường trú:** 3005 Golden Place, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**Địa chỉ liên lạc:** 3005 Golden Place, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội